

Bản án số: 18/2025/DS-PT  
Ngày: 07/01/2025  
*Về việc tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản và đòi lại tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Đạt

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Nguyễn Yên Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 304/2024/TLPT-DS ngày 01/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3899/2024/QĐXXPT-DS ngày 07/10/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4440/2024/QĐ-PT ngày 11/11/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1963

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

1. Ông Phạm Quang H, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Đặng Bửu T, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp TL, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Cam T1, sinh năm 1968

Địa chỉ: số 12, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1968

Địa chỉ: số 12D, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Anh Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: số 105D, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 H Bến Tre

Địa chỉ: 54 – 12D Thái Hữu Kiềm, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Cam T1, sinh năm 1968

Địa chỉ: số 12, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre:* Anh Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện c, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: số 105D, ấp b, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Trần Công L, sinh năm 1950

Địa chỉ: số 34, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lý:* Ông Đặng Bửu T, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp TL, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**- Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Cam T1 và bà Nguyễn Thị Thu H, là bị đơn; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**- Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

(Ông H, ông T, anh P có mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo bản án sơ thẩm,***

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/8/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Quang H là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:*

Do có quen biết nhau nên bà Đỗ Thị L có cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Cam T1 vay tiền nhiều lần, tổng số tiền bà L cho ông T1, bà H vay là 4.000.000.000 đồng, từng lần cụ thể như sau:

Lần 01 ngày 02/6/2020 số tiền cho vay là 700.000.000 đồng, lần 02 ngày 19/6/2020 số tiền cho vay là 200.000.000 đồng, lần 03 ngày 26/8/2020 số tiền cho vay là 300.000.000 đồng, lần 04 ngày 20/10/2020 số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng, lần 05 ngày 27/01/2021 số tiền cho vay là 300.000.000 đồng, lần 06 ngày 15/3/2021 số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng, lần 07 ngày 19/4/2021 số tiền cho vay là 500.000.000 đồng.

Qua 7 lần vay tiền trên đều giao nhận là tiền mặt trực tiếp, có giấy tờ giao nhận tiền do ông T1, bà H viết và ký tên, vay không có lãi suất, mục đích vay tiền để bị đơn bù vốn làm ăn gia đình. Các lần cho vay trên đều có thời hạn trả. Nhưng đến nay đã quá hạn thanh toán rất lâu mà bà H, ông T1 không trả, mặc dù bà L đã

nhắc nhở rất nhiều lần. Vì vậy nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H, ông T1 liên đới trả tiền vay vốn là 4.000.000.000 đ và tính lãi các khoản vay là:

1. Khoản vay 700.000.000 đồng ngày 02/6/2020 tính lãi từ ngày 18/7/2020 đến ngày xét xử 12/7/2024 là 47 tháng 24 ngày, lãi suất 10%/năm = 278.833.333 đồng.

2. Khoản vay 200.000.000 đồng ngày 19/6/2020 tính lãi từ ngày 19/9/2020 đến ngày xét xử 12/7/2024 là 46 tháng 23 ngày, lãi suất 10%/năm = 79.944.443 đồng.

3. Khoản vay 300.000.000 đồng ngày 26/8/2020 tính lãi từ ngày 17/9/2020 đến ngày xét xử là 12/7/2024 là 46 tháng 25 ngày, lãi suất 10%/năm = 117.083.333 đồng.

4. Khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 20/10/2020 tính lãi từ ngày 20/11/2020 đến ngày xét xử 12/7/2024 là 44 tháng 22 ngày lãi suất 10%/năm = 372.777.777 đồng.

5. Khoản vay 300.000.000 đồng ngày 27/01/2021, tính lãi từ ngày khởi kiện 11/4/2023 đến ngày xét xử 12/7/2024 là 16 tháng lãi suất 10%/năm = 40.000.000 đồng.

6. Khoản vay 1.000.000.000 đồng vay ngày 15/03/2021 tính lãi từ ngày khởi kiện 11/4/2023 đến ngày xét xử là 12/7/2024 là 16 tháng lãi suất 10%/năm = 133.333.333 đồng.

7. Khoản vay 500.000.000 đồng vay ngày 19/4/2021 tính lãi từ ngày khởi kiện 11/4/2023 đến ngày xét xử là 12/7/2024 nay là 16 tháng lãi suất 10%/năm = 66.666.666 đồng.

Như vậy tổng tiền lãi là 1.088.688.885 đồng. Nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn ông T1 và bà H liên đới trả số tiền vay vốn và lãi là 5.088.688.885 đồng. Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông T1 và bà H tiếp tục trả lãi trong giai đoạn thi Hnh án.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T1, bà H thì phía bà L đồng ý có giữ 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 67, tờ bản đồ số 13 của bị đơn và đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bị đơn với điều kiện Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu độc lập của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre (sau đây gọi tắt là Công ty T1 H) thì nguyên đơn bà L không đồng ý, không có việc bà L hỏi vay mượn tiền của bị đơn và không có thỏa thuận lấy tiền vay của Công ty T1 H vay tiền cho bà L, bà L phụ trả tiền lãi cho Công ty T1 H số tiền phụ lãi là 225.000.000 đồng. Ủy nhiệm chi ngày 26/5/2021 mà Công ty T1 H chuyển vào tài khoản của bà L số tiền 10.775.000.000 đồng là số tiền làm ăn mua bán giữa bà L và Công ty T1 H, theo nội dung của ủy nhiệm chi là Công ty T1 H trả tiền mua tủ bàn giường gỗ cho bà L nên chuyển tiền thanh toán cho bà L. Bà L mua bán qua môi giới trung gian nên không có trưng bày Hng hóa và không có đăng ký kinh doanh. Theo ủy nhiệm chi chuyển tiền thanh toán cho bà

L là 10.775.000.000 đồng, nếu Công ty T1 H cho rằng bà L chưa giao Hng hay giao Hng không đầy đủ thì Công ty kiện bà L bằng vụ kiện khác về hợp đồng mua bán. Còn Công ty T1 H nói cho bà L vay 7.000.000.000 đồng, thì bà L không thừa nhận có vay của Công ty nên bà L không đồng ý trả và phía Công ty cũng không có chứng cứ chứng minh cho bà L vay 7.000.000.000 đồng nên yêu cầu Tòa án bác yêu cầu độc lập của Công ty T1 H.

*Theo đơn phản tố ngày 22/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thanh L và chị Cao Thị Hoàng Huyền cùng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Cam T1, bà Nguyễn Thị Thu H cùng trình bày:*

Ông Nguyễn Cam T1 và bà Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre là Công ty của vợ chồng ông T1 bà H, là tài sản chung của vợ chồng ông T1 bà H. Trước đây vợ ông T1 bà H và bà L có quen biết nhau nên có hỏi vay mượn tiền qua lại thường xuyên. Trong năm 2020 và năm 2021 vợ chồng ông T1 bà H có vay của bà L nhiều lần, tổng cộng là 7 lần vay với tổng số tiền đã vay của bà L là 4.000.000.000đ, khi vay vợ chồng ông T1 bà H có viết giấy nhận tiền cho bà L giữ, ông T1 bà H vay để làm ăn kinh doanh đồ trang trí nội thất của Công ty, vay không có lãi và có thời hạn trả.

Đến tháng 5 năm 2021 thì phía bà L có yêu cầu vợ chồng ông T1 bà H trả lại tiền vay tổng số tiền yêu cầu trả là 4.000.000.000 đồng và bà L có kêu ông T1 bà H có tiền thì cho bà vay lại 7.000.000.000 đồng để bà L làm ăn, bà L phụ tiền lãi. Lúc này, ông T1 bà H không có tiền mặt để trả và cho bà L vay nhưng ông T1 bà H có hạn mức vay là 35.000.000.000 đồng tại Ngân Hng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Tiền Giang nên có tiền trả cho bà L và cho bà L mượn, bà L sẽ phụ tiền lãi ngân Hng. Sau đó, ông T1 bà H có đến ngân Hng làm thủ tục giải ngân, đến ngày 26/5/2021 ông T1 bà H thông qua số tài khoản của Công ty T1 H đã chuyển vào tài khoản cho bà L số tiền là 10.775.000.000 đồng, trong đó tiền trả cho bà L là 4.000.000.000 đồng, tiền cho bà L mượn là 7.000.000.000 đồng, trong đó trừ tiền lãi 225.000.000 đồng bà L phụ nên chỉ chuyển cho bà L 6.775.000.000 đồng. Sau này, bà H có yêu cầu bà L nhiều lần cộng lại tiền vay mượn nhưng bà L không có đến cùng nhau cộng tiền bạc vay mượn của hai bên mà kiện ông T1 bà H ra Tòa án. Bà L cho rằng bà H, ông T1 chưa trả tiền nên yêu cầu bà H, ông T1 trả lần nữa số tiền vay 4.000.000.000 đồng thì bị đơn không đồng ý, vì bị đơn đã trả đủ cho nguyên đơn số tiền đã vay.

Hiện nay phía bà L còn đang giữ của ông T1 bà H 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 67, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại phường 6, tHnh phố Bến Tre nên bị đơn yêu cầu bà L trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 67, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại phường 6, tHnh phố Bến Tre.

*Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 22/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thanh L và chị Cao Thị Hoàng Huyền cùng là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre cùng trình bày:*

Vào ngày 26/5/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre (sau đây gọi tắt là Công ty T1 H) có lấy từ hạn mức vay vốn kinh doanh của Công ty tại Ngân Hng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Tiền Giang, thông qua tài khoản số 804004541357 của Công ty, ông T1 và bà H đã chuyển số tiền là 10.775.000.000 đồng vào tài khoản số 72910000003198 của bà Đỗ Thị L tại Ngân Hng BIDV chi nhánh Bến Tre với mục đích trả số tiền 4.000.000.000 đồng mà ông T1, bà H đã vay của bà L và cho bà L mượn 7.000.000.000 đồng để bà L xoay sở công việc làm ăn của gia đình. Bà L hứa chịu lãi phụ vợ chồng ông T1 bà H số tiền lãi như ban đầu bà L nói thì số tiền thiếu 225.000.000 đồng khi chuyển là tiền lãi bà L phụ trả nên ông T1 bà H trừ ra vì vậy mà chỉ chuyển cho bà L số tiền 10.775.000 đồng, tuy nhiên do đây là tài khoản Công ty và ông T1, bà H đã mượn tạm nguồn tiền của Công ty nên nội dung chuyển tiền ghi trên ủy nhiệm chi là “thanh toán bàn ghế, tủ giường gỗ” và đây là yêu cầu bắt buộc của Ngân Hng khi giải ngân cho doanh nghiệp trong hạn mức vay kinh doanh. Việc chuyển tiền cho bà L xem như là hợp đồng vay giữa bà L với vợ chồng ông T1 bà H nên vợ chồng ông T1 bà H không có bắt bà L pH viết giấy vay tiền của ông T1 bà H, hay viết giấy vay tiền của Công ty.

Các chứng cứ Tòa án thu thập đã chứng minh bà L không có đăng ký kinh doanh mua bán tủ bàn giường gỗ và phía nguyên đơn và gia đình nguyên đơn không có trưng bày mua bán mặt Hng về trang trí nội thất là tủ bàn giường gỗ, phía nguyên đơn cũng không chứng minh được là có bán và giao Hng là tủ bàn giường gỗ cho bị đơn nên thực tế không có việc bà L bán Hng và giao Hng cho Công ty nên việc Công ty chuyển tiền cho bà L để thanh toán tiền Hng mua bán với bà L là không có thật, nhằm mục đích giúp Công ty giải ngân tiền vay vốn tại ngân Hng theo mục đích vay của Công ty nên đây là hợp đồng giả cách của hợp đồng vay giữa bà L và Công ty, nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty, Công ty đồng ý khấu trừ số tiền mà ông T1 bà H đã trả cho bà L là 4.000.000.000 đồng, Công ty chỉ yêu cầu bà L trả cho Công ty số tiền thực tế mà bà L đã nhận từ tài khoản của Công ty là 6.775.000.000 đồng, do không có chứng cứ chứng minh bà L đồng ý phụ tiền lãi cho Công ty là 225.000.000 đồng nên Công ty rút lại yêu cầu đối với phần tiền này.

Số tiền bà L vay mục đích để xoay sở công việc gia đình của bà L và ông Trần Công L là chồng của bà L pH chịu trách nhiệm liên đới cùng bà L. Do đó, Công ty T1 H yêu cầu bà L và ông Lý pH liên đới trả cho Công ty T1 H số tiền thực tế bà L đã nhận là 6.775.000.000 đồng và yêu cầu bà L và ông Lý trả lãi theo

lãi suất 10%/năm tính từ ngày 22/9/2023 đến ngày xét xử 12/7/2024 là 9 tháng 20 ngày.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 256, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Cam T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị L số tiền là 5.088.688.885 đồng (năm tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó gồm tiền vốn là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng và tiền lãi là 1.088.688.885 đồng (một tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên pH thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Cam T1 buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị L có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Cam T1 01(một) bản chính giấy chứng quyền sử dụng đất thửa số 67, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại phường 6, thành phố B.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre về việc yêu cầu nguyên đơn bà Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công L liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre số tiền 7.318.580.883 đồng (bảy tỷ, ba trăm mười tám triệu, năm trăm tám mươi ngàn, tám trăm tám mươi ba đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre về việc yêu cầu nguyên đơn bà Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công L liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre số tiền 225.000.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/7/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Cam T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh

viên T1 H Bến Tre kháng cáo. Theo đơn kháng cáo, ông T1 bà H và Công ty T1 H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Lý do kháng cáo: ông T1 bà H đã trả khoản vay 4.000.000.000 đồng cho bà Đỗ Thị L thông qua tài khoản số 804004541357 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 H Bến Tre chuyển trả vào số tài khoản 72910000003198 tên chủ tài khoản Đỗ Thị L tại Ngân Hàng BIDV Đồng Khởi - Chi nhánh Bến Tre vào ngày 26/5/2021 nên ông T1 bà H không thể trả hai lần cho một khoản vay và hiện tại bà L là người nợ ông T1 bà H số tiền 6.775.000.000 đồng và lãi suất. Cấp sơ thẩm đã chủ quan nhận định giữa bà Đỗ Thị L và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 H Bến Tre có tồn tại việc mua bán bàn, ghế, tủ, giường gỗ nhưng thực chất hoàn toàn không có việc mua bán như bản án sơ thẩm nhận định.

Ngày 06/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị. Theo Quyết định kháng nghị số 12/QĐ-VKS-DS, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Lý do kháng nghị: Tòa án cấp sơ thẩm đã chưa xem xét, đánh giá chứng cứ toàn diện, dẫn đến bản án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Cam T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 H Bến Tre là anh Đỗ Hiệp P giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị L là ông Phạm Quang H thay đổi lời khai, ông H trình bày số tiền 10.775.000.000 đồng trên ủy nhiệm chi là tiền ông T1 bà H trả cho bà L khoản vay 29.280.000.000 đồng mà không phải là tiền mua bán gỗ theo như nội dung ủy nhiệm chi cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng không cung cấp được hợp đồng vay 29.280.000.000 đồng vì nguyên đơn cho rằng hợp đồng này đã hoàn tất, bà L đã trả lại giấy nhận nợ cho bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị L là ông Đặng Bửu T thừa nhận có việc chuyển 10.775.000.000 đồng. Tuy nhiên, không rõ mục đích của việc chuyển 10.775.000.000 đồng này là gì. Đối với tư cách của ông T1 bà H và Công ty T1 H là 2 tư cách khác nhau. Để chuyển từ tiền của Công ty sang trả cho cá nhân cũng như cho vay, khi chuyển 10.775.000.000 đồng thì phải lấy lại sổ đỏ đã thế chấp từ các khoản vay khác. Trách nhiệm chứng minh việc cho vay là của Công ty T1 H. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát, bà L không có pháp

nhân kinh doanh tủ bàn ghế nên đề nghị chuyển sang cơ quan quản lý thị trường hoặc cơ quan thuế hoặc cơ quan điều tra để xử lý theo thẩm quyền, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ nguyên nội dung kháng nghị và P biểu quan điểm:

Về tố tụng: những người tiền Hnh tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Cam T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Cam T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị trong thời hạn luật định và có thông báo về việc kháng nghị cho các đương sự theo quy định pháp luật nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Cam T1 liên đới trả cho bà L số tiền vốn và lãi tổng cộng là 5.088.688.885 đồng. Bị đơn bà H, ông T1 thừa nhận có vay của bà L nhiều lần với tổng số tiền là 4.000.000.000 đồng, vay không có lãi suất và thống nhất thừa nhận các giấy tờ biên nhận nợ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là của bị đơn viết và ký nhận. Tuy nhiên, phía bị đơn cho rằng đã trả đầy đủ khoản vay 4.000.000.000 đồng cho nguyên đơn vào ngày 26/5/2021 bằng hình thức chuyển trả tiền vào tài khoản của nguyên đơn với số tiền 10.775.000.000 đồng, trong đó bao gồm trả tiền vay 4.000.000.000 đồng và tiền cho nguyên đơn vay là 6.775.000.000 đồng. Phía nguyên đơn cho rằng số tiền 10.775.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của bà L ngày 26/5/2021 từ tài khoản của Công ty T1 H Bến Tre là tiền mà Công ty có nợ tiền mua bán tủ bàn giường gỗ của bà L nên Công ty chuyển trả cho bà L.



[2.2] Xét tờ “Ủy nhiệm chi ngày 26/5/2021” mà bị đơn giao nộp nhận thấy: nội dung thể hiện là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 H Bến Tre thanh toán bàn ghế, tủ giường gỗ cho bà Đỗ Thị L. Đồng thời theo hồ sơ vay vốn của Công ty T1 H tại ngân hàng do ngân hàng cung cấp có bản kê mua hàng kèm phiếu nhập kho. Theo phiếu trên thì có nội dung người mua là ông Nguyễn Cam T1 và người bán là bà Đỗ Thị L, tên hàng hoá mua bán là tủ bàn giường gỗ các loại với số tiền ghi nợ là 10.775.000.000 đồng.

Nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền này nhưng là tiền thanh toán nợ mua bán giữa nguyên đơn và Công ty, việc mua bán đã kết thúc. Tuy nhiên, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh là đã giao hàng cho Công ty, cũng không có chứng cứ về nguồn gốc hàng hóa và các chứng từ có liên quan đến hàng hóa đã giao cho Công ty cụ thể là gì. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phủ nhận lời khai này và thay đổi lời khai như đã nêu trên. Do đó, thực tế không có việc bà L bán hàng và giao hàng cho Công ty, Công ty chuyển tiền để thanh toán tiền hàng mua bán là không có thật, nội dung chuyển khoản chỉ để giúp Công ty giải ngân tiền vay vốn tại ngân hàng đúng mục đích vay của Công ty, đây là hợp đồng giả cách của hợp đồng vay giữa bà L và Công ty T1 H Bến Tre. Do đó, lời trình bày của bị đơn vợ chồng ông T1, bà H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty T1 H Bến Tre là có căn cứ. Đồng thời, nếu là Công ty T1 H Bến Tre chuyển khoản thì nội dung chuyển khoản không thể ghi là “cho vay” vì không đúng với lĩnh vực mà Công ty T1 H Bến Tre được phép kinh doanh.

Bị đơn trình bày đã trả tiền cho nguyên đơn thông qua Công ty T1 H Bến Tre, đại diện theo pháp luật của Công ty cũng là bị đơn, tuy không chứng minh được bằng hợp đồng vay, nhưng cũng chứng minh đã giao tiền cho nguyên đơn thông qua khoản vay được giải ngân tại ngân hàng. Bà L đã nhận đủ số tiền nhưng không chứng minh được hoạt động mua bán xảy ra với Công ty và không chứng minh được việc thanh toán của hợp đồng vay trước đó.

Vì vậy, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán giữa các bên là hợp đồng giả cách của hợp đồng vay và số tiền Công ty T1 H Bến Tre chuyển vào tài khoản của bà L ngày 26/5/2021 là tiền vay, Công ty T1 H Bến Tre yêu cầu bà L và ông Lý PH liên đới trả số tiền thực tế bà L đã nhận là 6.775.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm tính từ ngày 22/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/7/2024 là 09 tháng 20 ngày là có căn cứ. Tiền lãi được tính như sau:

$6.775.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 09 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 545.763.888 \text{ đồng}$   
Tổng cộng gốc và lãi:  $6.775.000.000 \text{ đồng} + 545.763.888 \text{ đồng} = 7.320.763.888 \text{ đồng}$ .

Xét thấy quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã chưa xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, dẫn đến bản án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan là chưa phù hợp; làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn giấy chứng quyền sử dụng đất thửa số 67, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại phường 6, tHnh phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nhận thấy: phía nguyên đơn thừa nhận đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1, bà H và đồng ý trả lại cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Cam T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là có căn cứ để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được điều chỉnh lại theo quy định pháp luật.

Lẽ ra bà Đỗ Thị L và ông Trần Công L pH chịu án phí sơ thẩm theo quy định, nhưng do ông bà là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Cam T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre không pH chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Cam T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 256, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Cam T1 có nghĩa vụ liên

đổi trả cho bà Đỗ Thị L số tiền là 5.088.688.885 đồng (năm tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó gồm tiền vốn là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng và tiền lãi là 1.088.688.885 đồng (một tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm tám mươi lăm đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Cam T1, buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị L có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Cam T1 01 (một) bản chính giấy chứng quyền sử dụng đất thửa số 67, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại phường 6, tHnh phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre. Buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công L có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre số tiền 7.320.763.888 đồng (bảy tỷ, ba trăm hai mươi triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng). Trong đó gồm tiền gốc là 6.775.000.000 (sáu tỷ, bảy trăm bảy mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 545.763.888 đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với khoản tiền pH trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên pH thi Hnh án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre về việc yêu cầu nguyên đơn bà Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công L liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một tHnh viên T1 H Bến Tre số tiền 225.000.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

5. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị L và ông Trần Công L được miễn án phí.

- Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre:

+ Hoàn lại cho bà Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 70.367.000 đồng (bảy mươi triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004239 ngày 12/5/2023 và số 0000093 ngày 24/11/2023.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Cam T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001411 ngày 09/10/2023.

+ Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 H Bến Tre số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.500.000 đồng (năm mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001412 ngày 09/10/2023.

6. Về án phí phúc thẩm:

Chi cục Thi Hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre:

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Cam T1 số tiền tạm ứng án phí mà mỗi người đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002414 và 0002415 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện B.

+ Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 H Bến Tre số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002416 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Chánh án TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Đạt**